

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 216/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “ Tranh chấp xin ly hôn”, giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương T**, sinh năm 1982

HKTT: Thôn Tụ Khoát, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Nhà số 4C3 tập thể 130 N, huyện T, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Quang C**, sinh năm 1982

HKTT: M, D, H.

Trú tại: Nhà số 4C3 tập thể 130 N, huyện T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị **Trần Thị Phương T**, sinh năm 1982

- Anh **Nguyễn Quang C**, sinh năm 1982

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về hôn nhân:** Chị Trần Thị Phương T và anh Nguyễn Quang C cùng thuận tình ly hôn.

***Về con chung:** Chị Trần Thị Phương T và anh Nguyễn Quang C xác nhận có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn Minh A (Giới tính Nữ), sinh ngày 21/01/2013; cháu Nguyễn Nhật N (Giới tính Nam), sinh ngày 19/9/2016, cả hai con sức khỏe bình thường.

Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh chị: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh C cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng kể từ khi có Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Minh A, cháu N đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

***Về tài sản chung và nhà ở chung, công nợ chung:** Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

***Về án phí:** Chị Trần Thị Phương T tự nguyện chịu cả số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và chịu thay anh Chung tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0009638 ngày 23/02/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H.T;
- Chi cục Thi hành án Dân sự H.T;
- UBND xã N;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 05/04/2016);
- Lưu hồ sơ + Văn phòng.

Thẩm phán

Lê Huyền Thu